

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 3993 /BKĐT-GSTĐĐT

V/v giải trình, bổ sung, hoàn chỉnh Hồ sơ cấp GCNĐT Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km 17+027 – Km 50+00 trên địa bàn tỉnh Bình Định và đoạn Km 108+00 – km 131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức Hợp đồng BOT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2014

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng công ty 36.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được hồ sơ của Quý cơ quan về việc xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km 17+027 – Km 50+00 trên địa bàn tỉnh Bình Định và đoạn Km 108+00 – km 131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức Hợp đồng BOT (sau đây gọi tắt là Dự án). Sau khi xem xét hồ sơ Dự án và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bên ký tắt Hợp đồng Dự án giải trình, bổ sung một số nội dung sau:

1. Về lựa chọn Nhà đầu tư:

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm rõ quy trình lựa chọn, cơ sở chỉ định Nhà đầu tư và cung cấp các tài liệu liên quan.

2. Về tổng mức đầu tư Dự án: Dự án được thiết kế cải tạo nâng cấp trên nền đường cũ theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng và cấp III miền núi với suất đầu tư xây dựng toàn tuyến là 20,9 tỷ đồng/km là tương đối cao so với suất vốn đầu tư xây dựng mới đường có quy mô tương tự quy định tại Quyết định số 439/QĐ-BXD ngày 26/4/2013 của Bộ Xây dựng (đường cấp III đồng bằng có suất đầu tư xây dựng là 21,01 tỷ đồng/km). Đề nghị rà soát, chuẩn xác lại tổng mức đầu tư và một số hạng mục chi phí trong tổng mức đầu tư Dự án, ví dụ như:

- Chi phí dự phòng trượt giá là 21,75% (thời gian thi công là 2 năm) là cao so với các dự án khác. Đề nghị làm rõ cách tính chi phí dự phòng này để phù hợp với tốc độ trượt giá theo quy định hiện tại.

- Rà soát và làm rõ một số mã hiệu định mức trong tổng mức đầu tư có cùng tên nhưng giá trị khác nhau, ví dụ: Mã hiệu AB.13113 tại số thứ tự 239, 240, 242 có định mức nhân công khác nhau và giá trị thành tiền khác nhau; mã hiệu AB.64113 tại số thứ tự 243 và 247 có giá trị thành tiền khác nhau.

- Các đơn giá tính vật liệu đất đắp K95, K98: 111,286 đ/m³; đơn giá cát san lấp (AB.66143, AB.66113): 388,408 đ/m³; cát vàng: 388,408 đ/m³ chưa có cơ sở và một số hạng mục san lấp hiện đang sử dụng cát vàng. Đề nghị làm rõ.

- Làm rõ cơ sở tính một số hạng mục như: Trạm thu phí, chi phí giải phóng mặt bằng.

- Làm rõ sự khác nhau của tiến độ giải ngân tại giấy đề nghị cấp GCNĐT (năm 2014-2016) và phụ lục phương án tài chính của hợp đồng ký tắt (chậm nhất tháng 12/2015), sự khác nhau giữa thời gian xây dựng – kinh doanh – chuyển giao công trình tại giấy đề nghị cấp GCNĐT và quyết định phê duyệt số 3796/QĐ-BGTVT ngày 21/11/2013 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Về nguồn vốn thực hiện Dự án:

a) Vốn chủ sở hữu:

- Bổ sung báo cáo tài chính đã kiểm toán của các năm 2012, 2013 và báo cáo tài chính đến thời điểm giải trình bổ sung.

- Đề nghị Nhà đầu tư báo cáo về danh mục và việc phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện đến thời điểm hiện nay (bao gồm tổng vốn phải góp, số vốn đã góp, số vốn còn phải tiếp tục góp) để làm rõ nguyên tắc *“trường hợp tại cùng một thời điểm mà Nhà đầu tư đồng thời thực hiện nhiều Dự án khác nhau thì phải đảm bảo tổng vốn chủ sở hữu phải đáp ứng đủ cho tất cả các Dự án theo tỷ lệ quy định”* (Điều 10 Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính).

b) Về vốn vay:

Theo Biên bản thương thảo, đàm phán Hợp đồng Dự án, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có công văn số 20635/TGD-NHCT58 cam kết cấp tín dụng với số tiền tối thiểu là 1.765 tỷ đồng. Tuy nhiên, hồ sơ Dự án chưa có văn bản cam kết này. Đề nghị Nhà đầu tư bổ sung.

c) Về sử dụng vốn nhà nước:

- Bổ sung Điều lệ Công ty và phê duyệt của Bộ Quốc phòng cho phép Nhà đầu tư thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ.

- Đề nghị làm rõ tỷ lệ hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư. Trường hợp hệ số này vượt quá 3 lần, đề nghị Nhà đầu tư bổ sung quyết định của Chủ sở hữu phê duyệt phương án huy động vốn theo quy định tại mục b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

4. Về Giải phóng mặt bằng và tác động môi trường:

- Đề nghị bổ sung phương án tổng thể về bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

- Đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Nhà đầu tư làm việc với UBND các tỉnh Bình Định, Gia Lai để có phương án thống nhất khả năng bố trí vốn cho công tác Giải phóng mặt bằng, tái định cư tránh làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án.

- Đề nghị bổ sung phương án phòng, chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2012. Do công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 19 có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước

mặt và nước dưới đất.

- Đề nghị bổ sung quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

5. Về nội dung thiết kế cơ sở:

Theo yêu cầu của UBND tỉnh Gia Lai tại văn bản số 907/UBND-KTTH ngày 21/3/2014, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh một số nội dung như sau (thuộc địa bàn huyện Đăk Pơ):

- Về kết cấu nền, mặt đường (theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005): Đoạn từ Km108+800-Km112+00 (đoạn đèo Mang Yang), về quy mô mặt cắt ngang của dự án $B_n = (0,5 + 8 + 0,5)m$, phần mặt đường – lề gia cố 8m, lề đất $2 \times 0,5m = 1,0m$. Đề nghị điều chỉnh: Nền đường cố gắng mở bề rộng đạt $B_n = 12m$ hoặc bằng đường cũ và tối thiểu là $B_n = 9m$, tuyệt đối không thu hẹp đường trên đèo dốc. Mặt đường tối thiểu đạt 8m, lề gia cố $0,5m \times 2 = 1m$ sử dụng loại vật liệu bê tông nhựa hạt thô để tránh bị xói lở trong mùa mưa (vì hiện nay một số vị trí trên đoạn tuyến này liên tục bị xói lở khi mưa xuống, gây mất an toàn giao thông).

- Công trình phòng hộ (thiết kế mái đường đào): Khi mở rộng nền đường, mái ta luy dương cần có biện pháp gia cố chống sạt lở trong mùa mưa. Vì hiện nay khi mưa lũ lớn đã gây ra sạt lở cục bộ mái ta luy dương, gây ách tắc giao thông nhiều giờ trong năm 2013 (bão số 14, 15 năm 2013).

Ngoài ra, trong hồ sơ Dự án, quy mô mặt cắt ngang qua khu dân cư tập trung chỉ quy định Bề rộng nền đường $B_{nền} = 15m$ không có Bề rộng mặt đường, đề nghị làm rõ.

6. Về phương án tài chính Dự án:

a) Về thu phí thực hiện dự án:

- Trạm thu phí hoàn vốn dự kiến xây dựng mới tại Km 55+900 QL19 nằm trên QL19 nhưng không trong phạm vi đoạn tuyến đầu tư của dự án (đoạn trên địa phận tỉnh Bình Định từ Km17+027 – Km50+00). Do đó, đề nghị nhà đầu tư làm việc với địa phương và cơ quan chức năng để thống nhất vị trí trạm hợp lý.

- Đề nghị thống nhất mức thu phí tạm tính quy đổi theo mức thu quy định tại Thông tư 159/2013/TT-BTC, các chỉ tiêu liên quan như tỷ lệ tăng/giảm doanh thu hàng năm tạm ước tính trên cơ sở mức thu quy định.

- Về tính toán chi phí quản lý tổ chức thu phí: Theo Hợp đồng BOT ký tắt, mức chi phí quản lý này được tính là 10% doanh thu. Hiện một số dự án theo hình thức Hợp đồng BOT mức chi phí này khoảng từ 4-6% doanh thu. Đề nghị Nhà đầu tư cùng với Bộ Giao thông vận tải xác định lại mức chi phí này, phù hợp mặt bằng chung của các dự án đường quốc lộ khác.

b) Về một số chỉ tiêu tính toán trong phương án tài chính:

- Đề nghị làm rõ căn cứ xác định lãi suất vay và căn cứ tính tỷ suất lợi nhuận cho Nhà đầu tư là 12% trong Hợp đồng ký tắt trong khi đó trong thuyết

minh Dự án đầu tư tỷ suất này được tính là 11,5%.

- Đề nghị làm rõ căn cứ dự kiến mức độ tăng trưởng lưu lượng giai đoạn 2016-2024 là 6% trong khi đó theo số liệu thống kê doanh thu thực tế tại các trạm thu phí trên QL19 những năm gần đây có xu hướng tăng như (tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2008-2012 là 6,2%; giai đoạn 2009-2012 là 7,49%; giai đoạn 2010-2012 là 12,88%).

- Đề nghị điều chỉnh lại sai số số học Bảng 4 (Chi phí duy tu, sửa chữa), phụ lục 1, Hợp đồng BOT ký tắt số 13939/HĐ.BOT-GTTVT.

- Đề nghị kiểm tra và tính toán lại Bảng 5 (Thời gian thu hồi vốn và tạo lợi nhuận), phụ lục 1, Hợp đồng BOT ký tắt số 13939/HĐ.BOT-GTTVT.

- Đề nghị kiểm tra lại cách tính Vốn chủ sở hữu trong thời gian thi công (hiện đang tính cả lãi suất vay trong vốn chủ sở hữu).

7. Về nội dung của Hợp đồng BOT ký tắt:

- Về phương án tài chính của Dự án, các yếu tố tính toán (mục 13):

- + Về cơ chế tài chính của Dự án: Đề nghị bổ sung thêm điều khoản về thỏa thuận giữa các bên ký Hợp đồng trong trường hợp thu phí hoàn vốn trước thời hạn.

- + Đề nghị tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Doanh nghiệp Dự án BOT sau thời gian hưởng ưu đãi vào phương án tài chính của Dự án để phản ánh chính xác hiệu quả trong toàn bộ vòng đời Dự án.

- Về xác định tổng vốn đầu tư Dự án (Điều 16): Đề nghị không quy định việc xác định tổng vốn đầu tư theo các giai đoạn thực hiện Dự án mà chỉ quy định nguyên tắc thanh toán không vượt quá tổng vốn đầu tư được phê duyệt.

- Về điều chỉnh tổng vốn đầu tư Dự án (Điều 17, Điều 9):

- + Đề nghị xem xét quy định điều chỉnh tổng vốn đầu tư Dự án đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 31 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP và hướng dẫn tại Công văn số 126/BXD-KTXD ngày 22/1/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình.

- + Về trường hợp vốn quyết toán nhỏ hơn tổng vốn đầu tư được duyệt (khoản 3 Điều 17), đề nghị thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-BGTVT ngày 12/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Về thời gian thu phí của Nhà đầu tư (Điều 46): Đề nghị kiểm tra lại thời gian thu phí để thống nhất với các nội dung khác và thống nhất với thời hạn hợp đồng quy định tại Điều 71.

- Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (Điều 58.4): Có nội dung trùng với Điều 21, đề nghị rà soát lại.

- Về sự kiện bất khả kháng (Điều 69):

+ Đề nghị rà soát các nội dung sửa đổi liên quan đến sự kiện bất khả kháng để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, đặc biệt là nội dung doanh thu thu phí không đảm bảo hoàn vốn cho Nhà đầu tư. Bên cạnh đó, việc quy định “trường hợp doanh thu thu phí không bảo đảm hoàn vốn cho Nhà đầu tư theo như tính toán tại phương án tài chính trong Hợp đồng thì Bộ GTVT sẽ xem xét phối hợp cùng Nhà đầu tư trình cơ quan chức năng có liên quan và Chính phủ hỗ trợ cho Nhà đầu tư về cơ chế, chính sách đảm bảo việc thu hồi vốn và lợi nhuận cho Nhà đầu tư” tại Khoản b Điều 69.1 không phù hợp với nguyên tắc “trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, không Bên nào phải chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng” quy định tại Điều 69.2 Hợp đồng.

+ Hiện nay, nội dung bảo lãnh doanh thu tối thiểu đang được nghiên cứu quy định trong dự thảo Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Do vậy, đề nghị không cam kết nội dung này trong Hợp đồng dự án. Trường hợp thật cần thiết, đề nghị báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở xác định rõ tính chất, yêu cầu của Dự án và phạm vi những rủi ro phát sinh từ trách nhiệm hoặc thuộc thẩm quyền của Nhà nước, đồng thời giải trình cụ thể về phương án đảm bảo thực hiện trong trường hợp doanh thu Dự án không đạt để hoàn vốn cho Nhà đầu tư.

- Về sửa đổi bổ sung thời hạn Hợp đồng (Điều 72):

+ Đề nghị không quy định nguyên tắc sửa đổi bổ sung thời hạn Hợp đồng trong trường hợp tiến độ huy động vốn BOT quy định tại hợp đồng này thay đổi (Điểm e Điều 72.1).

+ Đề nghị bổ sung nguyên tắc: “Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dự án phải được Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chấp thuận” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 19 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP.

- Về việc bảo mật của các Bên trong Hợp đồng (Điều 76.6): Theo quy định tại Điều 76.6, thời hạn bảo mật của các thông tin liên quan đến Dự án và Nhà đầu tư là thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng, đề nghị xem xét thêm về thời hạn này để đảm bảo các thông tin mật giữa cơ quan nhà nước và Nhà đầu tư không bị tiết lộ ngay cả khi kết thúc hiệu lực hợp đồng.

- Về thành lập doanh nghiệp Dự án và quyền nghĩa vụ của doanh nghiệp Dự án (Điều 78): Theo quy định tại điều 78.1, Nhà đầu tư có nghĩa vụ thực hiện đăng ký kinh doanh để thành lập doanh nghiệp Dự án theo quy định tại Điều 3 và Điều 49 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT. Tuy nhiên, tại văn bản số 146/CV-TCT36, Nhà đầu tư đề nghị sử dụng Công ty 36.71 làm Doanh nghiệp dự án. Đề nghị Nhà đầu tư thống nhất với Bộ Giao thông vận tải nội dung này và chỉnh sửa điều khoản này cho phù hợp.

8. Về một số nội dung khác:

- Đề nghị bổ sung báo cáo thẩm định Dự án đầu tư.

- Hiện một số quy định về bảo trì công trình đang được vận dụng theo Thông tư 10/2010/TT-BGTVT. Tuy nhiên, hiện nay Thông tư này đã hết hiệu lực và thay thế bằng Thông tư 52/2013/TT-BGTVT. Do đó, đề nghị điều chỉnh các nội dung (nếu có) về thời hạn bảo trì và bổ sung một số nội dung khác theo quy định tại Thông tư 52/2013/TT-BGTVT như: Kế hoạch bảo trì, đếm xe,...

Hồ sơ giải trình bổ sung (gồm 03 bộ, trong đó có 01 bộ gốc), đề nghị sớm gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư), số 6B đường Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo để các cơ quan liên quan biết và thực hiện././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: TC, XD, TN&MT;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT (HL.10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1096/ SY-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông vận tải;
- PVPCN, K19;
- Lưu: VT (08b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình